TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2025/DS-ST Ngày 04 – 02 – 2025 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Trọng Tâm
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 04 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 623/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 541/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa:

**** Nguyên đơn***: Ngân hàng thương mại cổ phần S. Địa chỉ: Số 266-268, đường N, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình P, chuyên viên quản lý nợ. Theo văn bản ủy quyền ngày 30/7/2024. (vắng mặt).

**** Bị đơn***: Ông Thạch Phú C, sinh năm: 1988 và bà Đào Thị Ngọc T, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Số 68, đường N, khóm 4, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2024, bản tự khai, người đại diện Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày như sau: Ngân hàng và ông Thạch Phú C, bà Đào Thị Ngọc T có ký kết hợp đồng tín dụng để ngân hàng cho ông C và bà T vay vốn, cụ thể như sau,

Ngày 04/01/2018 ngân hàng cho ông C và bà T vay số tiền 150.000.000đ theo giấy nhận nợ số LD1824700792, mục đích vay tiêu dùng phục vụ đời sống,

thời hạn 60 tháng, lãi 4,8%/năm, hình thức trả vốn lãi hàng tháng cho vay tín chấp không thế chấp tài sản để đảm bảo. Trong quá trình vay ông C và bà T đã trả được 179.800.000đ, trong đó vốn 145.000.000đ và lãi 34.800.000đ. Tính đến 30/7/2024, ông C và bà T còn nợ 6.109.474đ, trong đó vốn 5.000.000đ, lãi trong hạn 794.590đ, lãi quá hạn 314.884đ.

Ngày 17/6/2022 ngân hàng cho ông C và bà T vay 200.000.000đ, theo Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202226668751, mục đích vay tiêu dùng phục vụ đời sống, thời hạn 60 tháng, lãi suất 5,8%/năm, hình thức trả vốn lãi hàng tháng cho vay tín chấp không thế chấp tài sản để đảm bảo. Tính đến 30/7/2024, ông C và bà T còn nợ 177.815.018đ, trong đó vốn 168.331.018đ, lãi trong hạn 8.029.462đ, lãi quá hạn 1.454.551đ.

Ngày 17/10/2022, Ngân hàng cho ông C và bà T vay 200.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 202226851250, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng, thời hạn 60 tháng, lãi suất 9%/năm, hình thức trả vốn lãi hàng tháng cho vay tín chấp không thế chấp tài sản để đảm bảo. Tính đến 30/7/2024, ông C và bà T còn nợ 229.598.229đ, trong đó vốn 200.000.000đ, lãi trong hạn 20.120.547đ, lãi quá hạn 9.477.682đ.

Tháng 11/2015, ông C đã ký giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, mở thẻ tín dụng tại ngân hàng, hạn mức tín dụng 50.000.000đ, được cấp 02 thẻ tín dụng. Tính đến 30/7/2024, ông C còn nợ số tiền 77.668.454đ, nợ vốn 50.000.000đ, lãi 27.668.454đ. Trong đó, 01 thẻ vốn 20.000.000đ, lãi trong hạn 889.635đ, lãi quá hạn 444.817đ, thẻ vốn 30.000.000đ, lãi trong hạn 17.556.002đ, lãi quá hạn 8.778.000đ.

Tháng 11/2015, bà T đã ký giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, mở thẻ tín dụng tại ngân hàng, hạn mức tín dụng 50.000.000đ, được cấp 02 thẻ tín dụng. Tính đến 30/7/2024, bà T còn nợ số tiền 49.910.692đ. Trong đó, 01 thẻ vốn 10.505.025đ, lãi trong hạn 2.544.032đ, 01 thẻ vốn 33.748.753đ, lãi trong hạn 2.319.522đ.

Ngày 28/10/2023, đã đến hạn thanh toán nhưng ông Cvà bà T chưa thanh toán. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ sang nợ quá hạn từ tháng 10/2023. Tính đến 30/7/2024, ông C và bà T còn nợ tổng số từ các hợp đồng tín dụng là 540.308.507đ, trong đó vốn 239.210.783đ, lãi trong hạn 52.253.790đ, lãi quá hạn 11.691.934đ.

* Bị đơn ông Thạch Phú C, bà Đào Thị Ngọc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có bất cứ ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các lần Tòa án triệu tập bị đơn đều vắng mặt tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Ngân hàng TMCP S (ngân hàng) yêu cầu ông Thạch Phú C, bà Đào Thị Ngọc T thanh toán khoản tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng tín dụng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng và tiêu dùng. Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng

vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án là đúng quy định tại điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với ông Thạch Phú C, bà Đào Thị Ngọc T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng triệu tập đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải đến lần thứ hai, để tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng ông C và bà T đều vắng mặt không rõ lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được. Ngân hàng TMCP S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn và bị đơn theo đúng quy định tại các Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào giấy nhận nợ số LD1824700792 ngày 04/01/2018, Hợp đồng cho vay kiêm giấy nhận nợ số 202226668751 ngày 17/6/2022, hợp đồng tín dụng số 202226851250 ngày 17/10/2022, Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng, mở thẻ tín dụng tại ngân hàn do ông C và do bà T ký vào tháng 11/2015 thể hiện số tiền nợ ông C và bà T vay tại ngân hàng sau khi thanh toán được một phần nợ số nợ vốn còn lại là 239.210.783đ. Căn cứ vào các hợp đồng trên, khoản nợ đến hạn ngày 28/10/2023 nhưng ông C bà T không thanh toán, ngân hàng chuyển nợ quá hạn từ 28/10/2023 là có căn cứ. khoản nợ này là nợ chung của ông C và bà T trong thời kỳ hôn nhân, ông bà cùng ký các hợp đồng vay nên ông bà cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ngân hàng là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu trả tiền lãi, số tiền lãi tính đến 30/7/2024, lãi trong hạn phát sinh từ các hợp đồng tín dụng trên là 52.253.790đ, lãi quá hạn là 11.691.934đ. Tại các hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận lãi suất và lãi suất quá hạn, mức lãi suất ngân hàng áp dụng để yêu cầu là phù hợp với mức lãi thỏa thuận tại hợp đồng vay nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ngân hàng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án. ông Cường và bà Thúy phải chịu án phí có giá ngạch. Ngân hàng TMCP S không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 292, 295, 298, 299, 301, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 26, 147, 207, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng TMCP S: Buộc ông Thạch Phú C, bà Đào Thị Ngọc T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền vốn và lãi tính đến ngày 30/7/2024 là 540.308.507đ *(Năm trăm bốn mươi triệu ba trăm lẻ tám ngàn năm trăm lẻ bảy đồng)*, trong đó vốn 239.210.783đ, lãi trong hạn 52.253.790đ, lãi quá hạn 11.691.934đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 30/7/2024 ông Thạch Phú C, bà Đào Thị Ngọc T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp, hợp đồng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 25.612.000đ *(Hai mươi lăm triệu sáu trăm mười hai ngàn đồng)* ông Thạch Phú C, bà Đào Thị Ngọc T phải nộp *(chưa nộp).*

Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải nộp án phí. Ngày 11/10/2024 Ngân hàng thương mại cổ phần S đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 12.806.000đ *(Mười hai triệu tám trăm lẻ sáu ngàn đồng)*, theo biên lai số 00092444, tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau, Ngân hàng thương mại cổ phần S được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP.Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.